

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT

Ngày 10 - 02 - 2023

V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Minh Nguyệt

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Bùi Anh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 84/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1972; Đăng ký HK và nơi ở: Số 136, đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông A:* Ông G – Luật sư Văn phòng Luật sư G thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà B, sinh năm 1973; Đăng ký HK: Số 136, đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở: Số 353, đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà B:* Ông H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 43, đường Hoàng Diệu, Khóm 8, Phường R, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị C, sinh ngày 23/01/1997 (có mặt)

2. Anh D, sinh ngày 18/12/2002 (có mặt)

Đăng ký HK: Số 136, đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu; Nơi ở: Số 353, đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ông E, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khóm S, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt – BL 242).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông A.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà B tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/1994. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đầm ấm nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến. Nay ông A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông A được ly hôn với bà B; Bà B đồng ý ly hôn với ông A.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông A và bà B có hai con chung tên C, sinh ngày 23/01/1997 và D, sinh ngày 18/12/2002. Do các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, nên ông A và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng đối với con chung.

- Về tài sản chung:

+ Ông A và bà B thống nhất xác định đối với tài sản chung gồm 01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Inova, biển kiểm soát 94A-01739, bà B đứng tên chủ sở hữu; 01 xe máy nhãn hiệu SH, biển kiểm soát 94K1-239.24, bà B đứng tên chủ sở hữu, đây là các tài sản ông A và bà B đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ngoài ra, quá trình chung sống, ông A và bà B còn tạo lập được tài sản gồm có:

1. Quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 49, qua đo đạc thực tế có diện tích đất là 84,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, do bà B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở.

2. Quyền sử dụng đất, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 27, diện tích đất qua đo đạc thực tế là 1.108m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, do ông A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Phần đất mua thêm của ông E, ngang 02m, dài 24m, diện tích 48m<sup>2</sup>, kề bên thửa đất số 106.

Theo ông A, khi cha mẹ ông A chết có để lại một căn nhà và một phần đất vườn cho ông A, bà B; Ông A, bà B đã bán căn nhà được số tiền 12 tỷ đồng, số tiền này ông A, bà B trả nợ 06 tỷ đồng, mua căn nhà và đất thửa 119 với số tiền 2,4 tỷ đồng, sửa lại căn nhà khi mua là 600.000.000 đồng, còn lại 03 tỷ đồng,

mua lối đi vào thửa đất 106 là 230.000.000 đồng, phần còn lại đã chia làm 04 phần bằng nhau, một phần cho bà B, một phần cho ông A, hai phần cho hai con; Quyền sử dụng đất, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 27, là phần đất còn lại sau khi đã bán một phần đất để mua căn nhà tại đường P. Do đó, tuy các tài sản trên là tài sản chung nhưng nguồn gốc tài sản có được là do bán tài sản của cha mẹ ông A chết để lại, bà B không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản này. Hơn nữa, khi vợ chồng còn hòa thuận thì ông A công nhận các phần đất trên là tài sản chung của vợ chồng, nhưng từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ông A không thừa nhận các phần đất này là tài sản chung vợ chồng nữa, mà là tài sản riêng của ông A. Cho nên, đối với phần đất thửa 106 hiện ông A đang quản lý, ông A không yêu cầu chia; Ông A yêu cầu Tòa án giải quyết giao toàn bộ đất thửa 119 và căn nhà trên đất cho ông A sử dụng, sở hữu.

Theo bà B toàn bộ các tài sản nhà, đất nêu trên đều là tài sản chung vợ chồng nên bà B yêu cầu chia hai, mỗi người nhận một phần; Giao phần đất tại Phường N cho ông A, bà B yêu cầu nhận nhà và đất tại Phường R, ông A có trách nhiệm hoàn lại giá trị cho bà B cho đủ  $\frac{1}{2}$  tài sản bà B được nhận.

- Vợ nợ chung: Ông A và bà B thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông E trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 13/9/2022:*

Do ông A, bà B đã bán cho người khác một phần đất giáp lộ, phần đất còn lại không có lối đi ra lộ nên vào khoảng tháng 02 năm 2021 (không nhớ ngày), ông A, bà B và ông E đã thỏa thuận chuyển nhượng phần đất có chiều ngang là 02m, dài 24m, với giá là 230.000.000 đồng, ông E đã nhận tiền và đã giao phần đất này cho bà B và ông A xong. Khi chuyển nhượng đất, ông E và ông A có lập hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất, không có công chứng, chứng thực, có ông E và ông A ký tên, có người chứng kiến là ông Nguyễn Văn Ý ký tên. Ngoài ra, ông E và ông A còn lập một văn bản thỏa thuận có ông E và ông A ký tên. Do phần đất này có chiều ngang nhỏ nên không thể tách thửa để chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông A và bà B được, phần đất này hiện vẫn đang đứng tên ông E. Phần đất này là một phần của thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25, Sổ Tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông E vào ngày 28/3/2019.

Ông E khẳng định do ông E đã bán cho ông A, bà B phần đất có chiều ngang 02m, chiều dài 24m xong, hiện đã thuộc quyền sử dụng của ông A, bà B, ông E không có yêu cầu gì đối với phần đất này.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị C, anh D trình bày:* Hiện nay chị Kim Nghi và anh Minh Nghi đang sống cùng bà B tại nhà số 353, đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố O, ngoài ra không trình bày gì thêm.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 84/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông A và bà B.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai con chung tên C, sinh ngày 23/01/1997 và D, sinh ngày 18/12/2002. Ông A và bà B cùng xác định các con đã trưởng thành, phát triển bình thường, nên không yêu cầu về vấn đề nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Xác định tài sản chung của ông A và bà B gồm:

- Quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 49, diện tích đất là 84,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, do bà B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 27, diện tích đất là 1.108m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, do ông A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phần đất nhận chuyển nhượng của ông E, ngang 02m, dài 24m, diện tích 48m<sup>2</sup>, một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 27 (một phần thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25), hiện ông E đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng.

4. Giao cho ông A quyền sử dụng đất, căn nhà trên đất và các tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 27, diện tích đất là 1.108m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Bắc giáp thửa đất số 17 của ông E, có số đo 13,52m, giáp phần đất ông E chuyển nhượng cho bà B, ông A có số đo 3,85m,

Hướng Nam giáp thửa đất số 32 có số đo 16,40m,

Hướng Đông giáp thửa đất số 33 có số đo 69,09m,

Hướng Tây giáp thửa đất số 31 có số đo 59,27m.

Quyền sử dụng đất trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 17/9/2021 cho ông A.

- Giao cho ông A phần đất nhận chuyển nhượng từ ông E, một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 27 (một phần thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25), diện tích 48m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Bắc giáp thửa đất số 17 của ông E, có số đo 24m,

Hướng Nam giáp thửa đất số 31 có số đo 20,15m, giáp thửa đất số 106 có số đo 3,85m,

Hướng Đông giáp thửa đất số 17 của ông E có số đo 02m,

Hướng Tây giáp đường bê tông có số đo 02m.

Quyền sử dụng đất trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 28/3/2019 cho ông E.

5. Giao cho bà B quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất, các tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 49, diện tích đất là 84,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 118, có số đo 20m,

Hướng Tây giáp thửa đất số 120 có số đo 20m,

Hướng Nam giáp mương nước có số đo 4,22m,

Hướng Bắc giáp lộ giới đường P có số đo 4,22m.

Tài sản trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 21/10/2021 cho bà B.

6. Buộc ông A có trách nhiệm hoàn trả cho bà B số tiền 442.279.075 đồng.

7. Ông A, bà B được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

8. Về nợ chung: Ông A, bà B xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất giai đoạn thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 11/10/2022, nguyên đơn ông A kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của bà B; Nếu không sửa án thì ông A đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông A trình bày:* Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông A, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu của bà B; Nếu không sửa án thì đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giao hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

- *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà B trình bày:* Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên án sơ thẩm.

*Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:*

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông A; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 84/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn ông A khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản khi ly hôn với bà B, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ. Bị đơn bà B cư trú tại thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố O theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông A nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[3] *Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:* Đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C, D có mặt tại phiên tòa. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông E có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông E theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[4] *Về nội dung:* Xét kháng cáo của bị đơn ông A kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia các phần đất của bà B: Xét thấy, suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm, ông A và bà B thống nhất xác định tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông A và bà B gồm có: 01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Inova, biển kiểm soát 94A-01739, bà B đứng tên chủ sở hữu; 01 xe máy nhãn hiệu SH, biển kiểm soát 94K1-239.24, bà B đứng tên chủ sở hữu; Quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất, diện tích đất là 84,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, bà B đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 21/10/2021; Quyền sử dụng đất

diện tích 1.108m<sup>2</sup>, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, ông A đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 17/9/2021; Phần đất vợ chồng mua của ông E, diện tích 48m<sup>2</sup>, kề bên thửa đất số 106, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 28/3/2019 cho ông E; Ngoài ra, ông A, bà B không còn tài sản chung nào khác. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong vụ án.

[5] Ông A và bà B đã thống nhất thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với 01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Inova, biển kiểm soát 94A-01739, bà B đứng tên chủ sở hữu; 01 xe máy nhãn hiệu SH, biển kiểm soát 94K1-239.24, bà B đứng tên chủ sở hữu. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết các tài sản này.

[6] Xét tài sản là các phần đất, tài sản gắn liền với đất nêu trên: Ông A và bà B thống nhất thừa nhận nguồn gốc hình thành tài sản là do mẹ ông A (là bà K) chết có để lại di chúc cho hai vợ chồng ông A và bà B một căn nhà diện tích 300 m<sup>2</sup> và phần đất vườn diện tích 1.646,3 m<sup>2</sup> (thửa số 38, tờ bản đồ số 25), tọa lạc tại Phường N, thành phố O, di chúc bà K lập năm 2003, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố O (BL 49). Năm 2008, bà K chết. Đến năm 2021, ông A và bà B thỏa thuận bán một phần đất trong khối di sản bà K chết để lại nên ông A, bà B thống nhất đi đăng ký để được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình thực hiện thủ tục để được cấp giấy chứng nhận thì được biết thủ tục làm giấy chứng nhận theo di chúc phức tạp nên đã thực hiện đăng ký theo hướng bà K chết không để lại di chúc, thủ tục được hoàn tất theo quy định pháp luật và chỉ để ông A đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông A đứng tên thừa kế thửa đất số 93, sau đó ông A, bà B đã làm thủ tục tách thửa 93 thành hai thửa số 105, 106. Sau khi tách thửa xong, ông A, bà B đã bán một thửa 105 với số tiền 12 tỷ đồng, còn lại thửa 106. Số tiền bán đất dùng để trả nợ 06 tỷ đồng, mua căn nhà tại thửa đất số 119 hiện bà B đang quản lý giá 2,4 tỷ đồng, sửa lại căn nhà khi mua là 600.000.000 đồng, mua phần đất của ông E làm lối đi vào thửa đất 106 giá 230.000.000 đồng, số tiền còn lại chia 04 phần bằng nhau, cho bà B, ông A, hai con chung của ông bà là Kim Nghi và Minh Nghi.

[7] Xét thấy, ông A hoàn toàn thống nhất toàn bộ quá trình hình thành tài sản nêu trên, ông A còn khẳng định khi vợ chồng còn hòa thuận thì ông A công nhận các phần đất trên là tài sản chung của vợ chồng, nhưng từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ông A không thừa nhận các phần đất này là tài sản chung vợ chồng nữa, mà là tài sản riêng của ông A. Tuy nhiên, căn cứ lời khai nhận thống nhất của các đương sự, phù hợp chứng cứ đã được thu thập trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án như Tờ di chúc bà K lập năm 2003, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố O (BL 49); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông A, bà B (BL 44-47); Toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đối với các phần đất tranh chấp (BL 65-100; 150-169; 170-180; 195-212); Văn bản thỏa thuận và Hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất giữa ông E với ông A cùng các thủ tục kèm theo (BL 223-231). Do đó, đủ căn cứ chứng minh toàn bộ các tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông A và bà B đều được hình thành trong thời gian hôn nhân hợp pháp, là tài sản chung của vợ chồng ông A và bà B. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của bà B, đã nhận định nguồn gốc hình thành tài sản xuất phát từ phía gia đình ông A để chia tài sản chung cho ông A phần nhiều hơn bà B, ông A được chia 70%, bà B được chia 30% giá trị tài sản là có căn cứ, có xem xét, đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện.

[8] Xét thấy, ông A kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo không đồng ý chia các diện tích đất và tài sản gắn liền với đất cho bà B. Ông A cho rằng cần thu thập Biên bản của Công an phường 7 ngày 16/12/2021 về sự việc xảy ra tại nhà trọ trên địa bàn phường 7 và cung cấp USB theo ông A chứa thông tin về việc bà B có quan hệ với người khác, tuy nhiên, mối quan hệ hôn nhân của ông A và bà B đã được công nhận thuận tình ly hôn, ông A, bà B không kháng cáo phần này nên đã có hiệu lực pháp luật. Ông A còn cho rằng cấp sơ thẩm không triệu tập 06 người là các anh em của ông A tham gia tố tụng do là con ruột của cha mẹ ông A, trên đất tranh chấp còn có mộ của cha mẹ ông A. Tuy nhiên, đủ căn cứ chứng minh toàn bộ các phần đất và tài sản gắn liền với đất đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp cho ông A, bà B và phần đất có mộ của cha mẹ ông A cũng đã được giao cho ông A trực tiếp quản lý, sử dụng nên không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các anh em ông A, không cần thiết đưa họ vào tham gia tố tụng và không cần triệu tập tham gia phiên tòa. Do đó, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông A.

[9] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông A, sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, do đủ căn cứ xác định toàn bộ phần nhà, đất đang tranh chấp là tài sản chung của ông A, bà B nên cấp sơ thẩm phân chia tài sản chung là phù hợp quy định pháp luật. Đối với ý kiến đề nghị hủy án sơ thẩm, xét thấy, đối với yêu cầu chia tài sản chung do tại đơn khởi kiện của ông A đề ngày 24/3/2022 (BL 21-21A) ông A đã đặt ra tài sản chung vợ chồng và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên ý kiến Luật sư cho rằng cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bà B về chia tài sản chung vợ chồng là không đúng; Đối với việc Luật sư cho rằng cần thu thập Biên bản sự việc của Công an phường 7 lập ngày 16/12/2021 và cần đưa anh chị em của ông A tham gia tố tụng do có mộ mã cha mẹ của họ trên đất tranh chấp, vấn đề này đã được nhận định rõ tại phần [8] của bản án. Do đó, không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề xuất chấp nhận kháng cáo của ông A.

[10] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông A, giữ nguyên án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã nhận định trên, đủ căn cứ chứng minh



toàn bộ phần nhà, đất đang tranh chấp mà bà B yêu cầu phân chia là tài sản chung của ông A, bà B, cấp sơ thẩm phân chia tài sản chung đã có xem xét nguồn gốc hình thành khối tài sản chung và chia cho ông A được hưởng nhiều hơn (tỷ lệ 7-3) là phù hợp quy định pháp luật. Ông A không đồng ý chia tài sản chung như bản án sơ thẩm, yêu cầu bác yêu cầu của bà B là không có căn cứ, không phù hợp quy định pháp luật. Do đó, chấp nhận ý kiến đề xuất của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà B.

[11] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, như đã nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án thành phố O.

[12] Về án phí: Do ông A kháng cáo nhưng không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên ông A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[13] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông A; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 84/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 33; Điều 34; Điều 55; Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông A và bà B.

2. Về con chung: Do hai con chung tên C, sinh ngày 23/01/1997 và D, sinh ngày 18/12/2002 đã trưởng thành, phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Xác định tài sản chung của ông A và bà B gồm:

- Quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 49, diện tích đất là 84,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố O,

tỉnh Bạc Liêu, do bà B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 27, diện tích đất là 1.108m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, do ông A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phần đất nhận chuyển nhượng của ông E, ngang 02m, dài 24m, diện tích 48m<sup>2</sup>, một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 27 (một phần thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25), hiện ông E đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng.

4. Giao cho ông A quyền sử dụng đất, căn trên đất và các tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 106, tờ bản đồ số 27, diện tích đất là 1.108m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu.

Phần đất có vị trí như sau:

Hướng Bắc giáp thửa đất số 17 của ông E, có số đo 13,52m, giáp phần đất ông E chuyển nhượng cho bà B, ông A có số đo 3,85m,

Hướng Nam giáp thửa đất số 32 có số đo 16,40m,

Hướng Đông giáp thửa đất số 33 có số đo 69,09m,

Hướng Tây giáp thửa đất số 31 có số đo 59,27m.

Quyền sử dụng đất trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 17/9/2021 cho ông A.

- Giao cho ông A phần đất nhận chuyển nhượng từ ông E, một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 27 (một phần thửa đất số 22, tờ bản đồ số 25), diện tích 48m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường 23/8, Khóm M, Phường N, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Bắc giáp thửa đất số 17 của ông E, có số đo 24m,

Hướng Nam giáp thửa đất số 31 có số đo 20,15m, giáp thửa đất số 106 có số đo 3,85m,

Hướng Đông giáp thửa đất số 17 của ông E có số đo 02m,

Hướng Tây giáp đường bê tông có số đo 02m.

Quyền sử dụng đất trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 28/3/2019 cho ông E.

5. Giao cho bà B quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất, các tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 49, diện tích đất là 84,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại đường P, Khóm Q, Phường R, thành phố O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp thửa đất số 118, có số đo 20m,

Hướng Tây giáp thửa đất số 120 có số đo 20m,  
Hướng Nam giáp mương nước có số đo 4,22m,  
Hướng Bắc giáp lộ giới đường P có số đo 4,22m.

Tài sản trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 21/10/2021 cho bà B.

6. Buộc ông A có trách nhiệm hoàn trả cho bà B số tiền 442.279.075 đồng.

7. Ông A, bà B được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật đối với phần đất được giao nêu trên.

8. Về nợ chung: Ông A, bà B xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

9. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 8.731.482 đồng. Ông A phải chịu 4.455.741 đồng, bà B phải chịu số tiền 4.275.741 đồng. Ông A đã nộp 8.731.482 đồng và chi xong, nên bà B có trách nhiệm trả lại cho ông A số tiền 4.275.741 đồng.

10. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

11. Về án phí:

11.1. Án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch ông A và bà B mỗi người phải chịu là 75.000 đồng.

Ông A phải chịu án phí có giá ngạch là 114.575.815 đồng.

Bà B phải chịu án phí có giá ngạch 88.364.128 đồng.

Ông A đã nộp 46.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007441 ngày 04/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố O được khấu trừ án phí không có giá ngạch và án phí có giá ngạch, ông A phải nộp tiếp số tiền 68.350.815 đồng.

11.2. Án phí phúc thẩm: Ông A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông A đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0007905 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố O, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), không được hoàn lại.

12. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND thành phố O (01 bản);
- CCTHADS thành phố O (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

**Châu Minh Nguyệt**